

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST

Ngày: 20/9/2022.

Về việc: “Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Hoa.

2. Ông Lê Văn Hiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-DS ngày 06/9/2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 284/TB-TA ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956; địa chỉ: số 44, Xóm 2, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn V, sinh năm 1973; địa chỉ: số 177, Tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2022, số chứng thực 112, quyền số 01-SCT/HĐ,GĐ tại UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Bị đơn: Bà Tạ Thị Diễm H, sinh năm 1973; địa chỉ: số 27, Xóm 1, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Cao T, sinh năm 1985; địa chỉ: số 135, đường N, Phường B, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2022, số chứng thực: 1653, quyền số 02/2022SCT/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng HDN, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông V, ông T có mặt, bà C, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn trình bày vào năm 2016 bà Nguyễn Thị C có cho bà Tạ Thị Diễm H vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 110.000.000đ, khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất với mức 20%/năm. Ngày 18/8/2019 sau khi thống nhất các khoản nợ thì bà H có trả cho bà C số tiền 110.000.000đ nợ gốc. Đối với nợ lãi được tính như sau: $110.000.000đ \times 1,66\% / \text{tháng} (20\% / \text{năm}) \times 36 \text{ tháng} (\text{tính từ tháng 3/2017 đến tháng 3/2020}) = 65.376.000đ$. Bà H đã trả được một phần nên số nợ lãi còn lại là 57.000.000đ các bên thỏa thuận mỗi tháng bà H sẽ trả 5.000.000đ cho đến khi trả hết và có viết giấy nhận nợ lãi xác định thời hạn trả nợ từ tháng 3. Kể từ khi viết giấy nợ đến nay bà Tạ Thị Diễm H không trả cho bà Nguyễn Thị C bất cứ khoản tiền nào mặc dù bà Nguyễn Thị C đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ. Vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu bà H trả cho số tiền lãi 57.000.000đ.

Bị đơn bà Tạ Thị Diễm H thừa nhận số nợ lãi theo giấy nhận nợ ngày 18/8/2019, tuy nhiên khi xác nhận nợ thì hai bên thỏa thuận trả nợ từ tháng 3 mà không đề cập tháng 3 năm nào nên bà H cho rằng khoản nợ này đến tháng 3/2025 mới đến hạn. Do đó bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Tạ Thị Diễm H trả số tiền nợ lãi 57.000.000đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Cao T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có căn cứ xác định tiền lãi phát sinh từ quan hệ vay tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, yêu cầu bà Tạ Thị Diễm H trả số tiền nợ lãi 57.000.000đ. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện từ năm 2016 giữa bà C và bà H có quan hệ vay tài sản với nhau, sau khi đã thống nhất các khoản nợ thì bà H có trả cho bà C 110.000.000đ, số tiền nợ lãi còn lại các bên thỏa thuận riêng trong giấy nhận nợ lập ngày 18/8/2019, nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả lãi là tranh chấp một phần nghĩa vụ xuất phát từ quan hệ vay tài sản nên cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp

hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị C và bà Tạ Thị Diễm H có quan hệ vay tài sản với nhau từ năm 2016, thể hiện qua bản phô tô Giấy mượn tiền ngày 13/11/2016 và giấy nhận nợ lãi ngày 18/8/2019. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 110.000.000đ và bị đơn đã thanh toán toàn bộ nợ gốc. Lãi suất được các bên thỏa thuận riêng trong giấy nhận nợ lãi ngày 18/8/2019, cũng theo thỏa thuận này thì bà H có trách nhiệm hàng tháng phải trả cho bà C 5.000.000đ cho đến khi hết nợ, thời hạn tính từ tháng 3 nhưng không ghi rõ năm nào.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn vì cho rằng thời hạn trả lãi theo giấy nhận nợ lãi ngày 18/8/2019 chưa đến hạn và nguyên đơn không chứng minh được căn cứ hình thành khoản nợ lãi, cách tính lãi từ khoản nợ gốc. Lập luận này của bị đơn là có sự mâu thuẫn, bởi lẽ trong vụ án này các bên không có tranh chấp gì đối với khoản nợ gốc 110.000.000đ. Bị đơn cũng xác nhận đã trả toàn bộ nợ gốc và thừa nhận số tiền 57.000.000đ là tiền lãi chưa trả, bị đơn còn cho rằng đến tháng 3/2025 mới đến hạn trả lãi là đã thừa nhận quan hệ vay tài sản và tiền nợ lãi phát sinh nên không nhất thiết phải buộc nguyên đơn chứng minh về quan hệ vay tài sản trước đó để làm cơ sở cho yêu cầu khởi kiện về nợ lãi. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng đã giải trình cụ thể về khoản nợ gốc và cách tính lãi phù hợp với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Do thỏa thuận thời hạn trả lãi không cụ thể nên nguyên đơn suy đoán thời hạn trả nợ là tháng 3 của năm tiếp theo kể từ ngày viết giấy nhận nợ tương ứng với tháng 3/2020, còn bị đơn cũng suy đoán thời hạn trả nợ đến tháng 3/2025. Việc các bên dựa vào thỏa thuận không rõ ràng để suy đoán, đưa ra các thời hạn trả nợ khác nhau là không đảm bảo khách quan và không đảm bảo hiệu lực bắt buộc đối với các bên. Vì vậy, cần xác định việc trả nợ lãi của bà H đối với bà C theo giấy nhận nợ lãi ngày 18/8/2019 là nghĩa vụ không xác định thời hạn, mà nghĩa vụ này là một bộ phận của hợp đồng vay tài sản trước đó đã được các bên thừa nhận. Căn cứ quy định tại Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào. Do đó, bà Nguyễn Thị C căn cứ giấy nhận nợ của bà Tạ Thị Diễm H ngày 18/8/2019 yêu cầu trả số nợ lãi 57.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí tương ứng với giá trị tài sản tranh chấp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 94, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357; các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Tạ Thị Diễm H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Tạ Thị Diễm H phải nộp số tiền 2.850.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thành Luân